

ĐƯỜNG ĐẾN SỰ KIẾN VỊNH BẮC BỘ (8-1964) QUA TƯ LIỆU CỦA MỸ

LÊ TÙNG LÂM*

1. Đặt vấn đề

Tháng 8-1964, Mỹ đã thực hiện sự kiện vịnh Bắc Bộ (*the Gulf of Tonkin Incident*) (1) và mở đầu quá trình “leo thang” chiến tranh, mở rộng quy mô chiến tranh xâm lược ra toàn Việt Nam. Vậy quá trình chuẩn bị để tiến tới sự kiện vịnh Bắc Bộ đã được chính quyền Lyndon B. Johnson thực hiện như thế nào, nguyên nhân nào thúc đẩy Mỹ phải tìm mọi cách mở rộng chiến tranh ra toàn lãnh thổ Việt Nam? Sự kiện này cũng để lại bài học kinh nghiệm gì cho Việt Nam trong công cuộc bảo vệ đất nước hiện nay? Đó là những nội dung cần luận giải, làm rõ khi những bí mật về cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ đã dần hiện ra “ánh sáng”.

2. Từ “ý tưởng” mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam của Mỹ

Từ những năm 60 của thế kỷ XX, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều khó khăn khi chính quyền Sài Gòn (CQSG) đang đối mặt với “chủ nghĩa thất bại”. Sự cai trị chuyên quyền, độc tài và kém hiệu quả cùng chính sách đàn áp tàn bạo của Ngô Đình Diệm đã làm bùng lên ngọn lửa đấu tranh của nhân dân miền Nam - đỉnh cao là phong trào Đồng khởi năm 1960. Không những thế, chiến thắng của quân dân miền Nam tại ấp Bắc (Mỹ Tho, tháng 1-1963) đã chứng minh khả năng không thể thắng bằng quân sự của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược

Việt Nam. Với lực lượng gấp 5 lần lực lượng Quân giải phóng miền Nam (QGPMN) và du kích, Mỹ và CQSG muốn chứng minh sự lớn mạnh của quân đội Sài Gòn cùng sức mạnh kỹ thuật, vũ khí chiến tranh hiện đại của Mỹ. Thế nhưng, kết thúc 5 đợt tấn công, “Việt cộng đã đứng vững trước hỏa lực khổng lồ từ súng máy và rốc-kết do trực thăng bắn xuống, pháo binh, không quân chiến thuật và súng máy hạng nặng của các thiết giáp chở quân; (QGPMN-ND) đã lạnh lùng chiến đấu trong trận chiến theo cách riêng của họ; và chủ động phá vỡ các liên lạc của quân đội Sài Gòn. Từ đầu đến cuối, đó là một chiến thắng của cộng sản” (2) và “Việt cộng đã chứng minh rằng quân du kích của họ có thể chống lại công nghệ quân sự vượt trội của Mỹ. Các sĩ quan Nam Việt Nam do Mỹ huấn luyện liên tục không thể chủ động và phản công lại những phần tử nổi dậy (chỉ QGPMN-ND) kém về số lượng” (3). Rõ ràng, người Mỹ đã nhận thấy khả năng không thể thắng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Có thể nói, từ sau phong trào Đồng khởi, lực lượng QGPMN đã giành quyền làm chủ, giải quyết những quyền lợi dân sinh, dân chủ của nhân dân. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi đã làm lung lay CQSG. Tình hình miền Nam đang ngày càng xấu đi với Mỹ và Sài Gòn.

Từ năm 1961, trong giới cầm quyền Mỹ đã xuất hiện ý tưởng về việc tấn công, ném

* TS. Trường Đại học Sài Gòn

bom miền Bắc Việt Nam. Lawrence Freedman cho rằng "Tháng 6 năm đó [1961], lần đầu tiên ông [Rostow] nêu ra với Tổng thống Kennedy về khả năng không kích vào miền Bắc Việt Nam" (4). Năm tháng sau, ngày 1-11-1961, trong bức điện gửi điện cho Kennedy, Taylor cho rằng "Bắc Việt Nam rất dễ bị tổn thương bởi việc ném bom, đó là điểm cốt yếu để buộc họ rút khỏi miền Nam Việt Nam" (5). Như vậy, chỉ trong vòng 5 tháng, Tổng thống Kennedy nhận được đến hai đề xuất của những người thân cận về việc ném bom miền Bắc Việt Nam để buộc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ngừng các hoạt động chi viện và rút khỏi miền Nam Việt Nam.

Sau đó, ngày 5-11-1961, theo một đánh giá đặc biệt của tình báo quốc gia Mỹ (SNIE-Special National Intelligence Estimate) thì "các mối đe dọa đánh bom sẽ không khiến Hà Nội ngừng hỗ trợ cho Việt cộng, và ... các cuộc tấn công thực tế vào miền Bắc sẽ mang lại phản ứng mạnh mẽ từ Moscow và Bắc Kinh" (6). Bấy giờ, người Mỹ cũng không tin vào hiệu quả việc ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam. Theo SNIE, việc ném bom có thể sẽ không ngăn được sự chi viện của Hà Nội cho lực lượng QGPMN mà ngược lại, hành động này của Mỹ sẽ kéo Liên Xô, Trung Quốc vào chiến tranh với Mỹ. Đây là điều mà người Mỹ không mong muốn vì tình hình đối đầu Đông - Tây đang rất căng thẳng và hậu quả của việc quốc tế hóa chiến tranh Triều Tiên vẫn còn nguyên đó. Vì vậy, Tổng thống Kennedy không thể chấp nhận công khai ném bom miền Bắc Việt Nam mà lại cho phép những cuộc xâm nhập, tấn công lén lút nhằm phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Ngày 30-11-1961, Tổng thống Kennedy phê chuẩn nghị quyết NSAM 115, cho phép "cố vấn Mỹ tham gia yểm trợ chiến đấu và chiến đấu để tự vệ, ra lệnh mở các hoạt

động phá hoại bí mật chống miền Bắc Việt Nam..." (7). Có thể nói, NSAM 115 đánh dấu chính quyền Mỹ bắt đầu một chiến dịch "tấn công lén lút" kéo cho đến khi sự kiện vịnh Bắc Bộ diễn ra (tháng 8-1964).

3. Đến thất bại của các kế hoạch "tấn công bí mật" của Mỹ vào miền Bắc Việt Nam

Triển khai thực hiện các kế hoạch tấn công "lén lút" miền Bắc Việt Nam, từ tháng 2-1961, toán lính biệt kích đầu tiên (do CIA huấn luyện) mang mật danh Ares đã mang theo máy truyền tin và xâm nhập vào miền Bắc Việt Nam. Đây là sự kiện mở đầu quá trình tiến hành chiến tranh lén lút của Mỹ tại miền Bắc Việt Nam. Tính tổng hợp từ tháng 2-1961 đến tháng 10-1967 đã có 52 toán biệt kích được tung vào các vùng Tây Bắc, Đông Bắc cho đến Nghệ Tĩnh, vùng biển Quảng Bình và cả Khe Sanh, Hạ Lào để đột kích miền Bắc Việt Nam. Kết quả, khoảng 500 lính biệt kích bị mất tích (chết, lạc trong rừng sâu do xác định sai tọa độ, hoặc bị bắt) (8). Nhiệm vụ của những toán biệt kích là xâm nhập bí mật vào miền Bắc Việt Nam để thu thập thông tin tình báo và gây rối trong nhân dân. Đồng thời, giới quân sự Mỹ cũng tích cực chuẩn bị cho những cuộc tấn công, phá hoại bằng không quân, hải quân vào miền Bắc Việt Nam.

Sau khi Kennedy bị ám sát (tháng 11-1963), Lyndon B. Johnson trở thành tổng thống kế nhiệm. Ngày 24-11-1963, Tổng thống Johnson đã triệu tập cuộc họp với các cố vấn để bàn về vấn đề Việt Nam và nhấn mạnh rằng "ông muốn giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh này" (9) và chọn con đường tiếp tục chiến tranh ở Việt Nam với "quyết tâm" lớn hơn, dành nhiều viện trợ kinh tế, quân sự hơn cho CQSG để tìm được chiến thắng. Ngày 21-12-1963, McNamara gửi cho Tổng thống Johnson một báo cáo rằng các hoạt động xâm

nhập người và thiết bị từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam chủ yếu sử dụng 3 con đường chính sau:

a- Hành lang đường bộ qua Lào và Campuchia;

b- Các tuyến đường của sông Mekong từ Campuchia;

c- Một số khả năng xâm nhập bằng đường biển và ở vùng mũi châu thổ (10).

Cũng theo số liệu báo cáo từ Mỹ, con số dự đoán chính xác nhất là có từ 1.000 - 1.500 cán bộ Việt cộng vào miền Nam Việt Nam qua đường bộ từ Lào trong 9 tháng đầu năm 1963. Tuyến đường sông Mekong (cũng có thể là đường biển) được dùng để vận chuyển các loại vũ khí lớn, đạn dược và vật liệu với số lượng ngày càng tăng vào miền Nam” (11). Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng phải tiếp tục thực hiện của Mỹ là ngăn chặn, triệt phá những con đường vận chuyển, tiếp tế này. Mỹ phải phong tỏa biên giới cả trên bộ lẫn trên biển để không cho Hà Nội có thể chi viện người và của cho cuộc kháng chiến ở miền Nam. Đồng thời, Mỹ phải phá hoại, làm suy giảm sức mạnh của VNDCCH. McNamara cũng xác nhận rằng “các kế hoạch hoạt động bí mật ở Bắc Việt Nam đã được chuẩn bị tốt. Các kế hoạch này đã đề ra rất nhiều hoạt động phá hoại và hoạt động tâm lý chống lại miền Bắc Việt Nam” (12). Như vậy, từ cuối năm 1963, Mỹ đã tính đến những giải pháp để chống lại sự chi viện của VNDCCH cho lực lượng QGPMN. Trong đó, mục tiêu của Mỹ là tiến hành các hoạt động bí mật, tung biệt kích, gián điệp để phá hoại và ngăn chặn sự chi viện từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên, hoạt động của các toán biệt kích chưa mang lại hiệu quả. Kế hoạch hành động bí mật chống miền Bắc Việt Nam được triển khai thực hiện mang tên Kế hoạch tác chiến 34A (OPLAN

34A) và cuộc tuần tra biên giới trên biển DESOTO.

Ngày 15-12-1963, Kế hoạch tác chiến 34A được soạn thảo và được Tổng thống Johnson phê chuẩn ngày 24-1-1964. OLAN 34A được duyệt gồm hai loại hình hoạt động:

Thứ nhất, dùng tàu thuyền và máy bay tung điệp viên người Nam Việt Nam được trang bị máy vô tuyến điện vào miền Bắc để phá hoại và thu thập tin tức tình báo.

Thứ hai, cho tàu tuần tra tốc độ cao do người miền Nam hoặc lính đánh thuê nước ngoài điều khiển, tiến hành các cuộc tập kích ven bờ biển miền Bắc và đánh phá các căn cứ trên đảo (13).

Ngày 1-2-1964, Kế hoạch tác chiến 34A được triển khai. Đơn vị đảm nhận những hoạt động bí mật của CIA để thực hiện OPLAN 34A là Nhóm tác chiến đặc biệt (SOG - *Special Operation Group*). Các hoạt động của OPLAN 34A được hoạch định và giám sát bởi Bộ Quốc phòng Mỹ, với sự hỗ trợ của CIA, nhưng do hải quân Việt Nam Cộng hòa thực hiện (14). Điều này chứng minh bản chất OPLAN 34A là của Mỹ, tuy kẻ thực hiện là biệt kích Sài Gòn. SOG nhận lệnh trực tiếp từ Tổng tham mưu quân đội Mỹ (JCS) ở Lầu năm góc và từ Nhà Trắng. Mục tiêu quan trọng của OPLAN 34A là “phá hoại vật chất, gây thiệt hại về kinh tế và quấy rối”. OPLAN 34A được nâng dần từng bước từ quấy rối đến ném bom phá hoại cơ sở kinh tế, xã hội để ngăn chặn sự chi viện của VNDCCH cho lực lượng QGPMN.

Trong lúc đợi tìm ra một “cái cớ”, Mỹ vẫn tiến hành ngày càng mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động lén lút phá hoại miền Bắc Việt Nam. Đến tháng 8-1964, các hoạt động tấn công bí mật đã rộng lớn đến mức Mỹ phải thuê phi công Thái Lan lái máy bay T-28 của Mỹ ném bom bắn phá các

làng mạc miền Bắc Việt Nam gần biên giới Lào vào ngày 1 và 2 tháng 8-1964 (15). Tuy nhiên, phía Mỹ cũng thừa nhận rằng hiệu quả hoạt động của những toán biệt kích này không cao vì phần lớn họ đều bị quân và dân miền Bắc Việt Nam phát hiện và bắt giữ. Do đó, kế hoạch xâm nhập và phá hoại miền Bắc Việt Nam bằng con đường bí mật không đạt được kết quả như mong đợi.

Song song đó, Mỹ còn triển khai kế hoạch kiểm soát biên giới trên biển đối với VNDCCH bằng các cuộc tuần tra với mật danh DESOTO hay còn gọi là Kế hoạch tác chiến 37 (OPLAN 37). Trong Bị vong lục gửi Tổng thống Johnson ngày 7-1-1964, McBundy đã nêu lên một kế hoạch cho các hoạt động bí mật chống lại miền Bắc Việt Nam như sau:

1- Mở rộng việc thu thập thông tin tình báo bằng máy bay chiến lược U-2.

2- Tăng cường các hoạt động phá hoại ở miền Bắc Việt Nam bằng lực lượng của VNCH (16).

Kế hoạch kiểm soát biên giới trên biển được Mỹ thực hiện dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban cố vấn hải quân Mỹ (AND). Mục tiêu chính của DESOTO là "xác định tất cả radar ven biển, giám sát con đường vận trợ, xâm nhập của VNDCCH cho Việt cộng ở miền Nam" (17) dọc theo bờ biển Bắc Bộ. Theo kế hoạch DESOTO, Mỹ dùng tàu hải quân tuần tra ở vịnh Bắc Bộ nhằm thu thập thông tin về hệ thống radar của miền Bắc Việt Nam, thu thập thông tin của tình báo quân đội, và tiến hành một cuộc "biểu dương lực lượng" (18). Đồng thời, OPLAN 37 cũng hỗ trợ cho OPLAN 34A, khiêu khích hải quân miền Bắc Việt Nam. Phạm vi hoạt động của DESOTO từ vĩ tuyến 17 ra đến vĩ tuyến 21, trong vòng bán kính 30 dặm dọc theo bờ biển. Trong mệnh lệnh hành quân, khu vực hoạt động của các toán

biệt hải ở phía dưới cảng Hải Phòng, bao gồm các mục tiêu cụ thể như:

1- Ngăn chặn, bắt cóc, thẩm vấn, phá hủy tất cả các loại tàu vũ trang, tiếp vận của miền Bắc.

2- Phá hoại đường tiếp tế trên biển của quân đội Bắc Việt Nam cho miền Nam.

3- Bắn phá các mục tiêu dọc theo bờ biển.

4- Tập kích lên bờ, tấn công các căn cứ quân sự, dân sự, thả biệt kích, điệp viên xâm nhập miền Bắc.

5- Tiến hành các thủ đoạn chiến tranh tâm lý như thả truyền đơn, radio, quà tặng xuống các khu vực giáo dân, nông thôn miền Bắc (19).

Ngày 2-3-1964, Mỹ dùng tàu khu trục tuần tiễu ven biển miền Bắc Việt Nam trong kế hoạch DESOTO để làm hậu thuẫn cho hải quân CQSG đánh phá các đảo và vùng dân cư ven biển các tỉnh khu IV cũ. Mỹ sử dụng hạm đội Thái Bình Dương đánh phá các tuyến vận chuyển chiến lược của VNDCCH chạy dọc biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia nhằm ngăn chặn sự chi viện từ Bắc vào Nam. Ngày 29-3-1964, trên tờ báo *New York Herald Tribune*, ký giả Josef Alsop viết "cả bộ máy chiến tranh Mỹ đã chuẩn bị xong các cuộc hành quân bằng không lực chống Bắc Việt Nam và sẵn sàng để được phát động, chỉ chờ lệnh của Tổng thống Johnson" (20). Ngày 30-7-1964, quân đội Sài Gòn dưới sự yểm trợ của Mỹ đã bí mật tấn công vào vịnh Bắc Bộ ở các đảo Hòn Mê và Hòn Ngư. Những hoạt động này của Mỹ vừa nhằm ngăn chặn chi viện của Hà Nội cho lực lượng QGPMN, vừa phá hoại tiềm lực, sức mạnh của VNDCCH, vừa tìm kiếm một cái cớ hợp lý để công khai tiến tới ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam. Cái mà người Mỹ rất cần bấy giờ là một lý do để mở rộng

chiến tranh, cứu nguy cho sự khủng hoảng của CQSG.

4. Sự kiện vịnh Bắc Bộ bùng nổ

Bất chấp những nỗ lực của Mỹ và CQSG, các hoạt động lén lút xâm nhập, phá hoại vẫn không mang lại kết quả như họ mong muốn. CQSG vẫn không thoát khỏi sự khủng hoảng triền miên khi nhiều lần thay đổi chính phủ. Theo các báo cáo của Mỹ, vùng kiểm soát, quản lý của CQSG ở miền Nam Việt Nam đang bị thu hẹp dần. Từ năm 1964, theo ước tính của Mỹ, “Việt cộng kiểm soát hơn 40% lãnh thổ và hơn 50% dân số của Nam Việt Nam, và ở nhiều vùng, Việt cộng đã giành được chỗ đứng vững chắc đến nỗi không thể đánh bật họ nếu không huy động lực lượng lớn” (21). Trong khi đó, CQSG lại đang lâm vào những khủng hoảng liên miên.

Những hoạt động lén lút đã không mang lại kết quả nào đáng kể. Ngược lại, hầu như lực lượng xâm nhập vào miền Bắc Việt Nam đều bị bắt, bị xử tội và gây ra thiệt hại nặng nề cho Mỹ và CQSG. Theo các số liệu “toàn bộ bọn biệt kích đã bị tóm gọn, ta dùng người của địch đánh lại địch và đã câu nhử để bắt thêm 55 tên, 140 kiện hàng, vũ khí, máy móc. Chúng còn cho tàu biệt kích liều lĩnh đổ bộ lên hải phận xã Hải Thịnh (Thanh Hóa), sục ra tận núi Chẹt trên đường số 1, bắt cóc đồng bào ta để khai thác tin tức tình báo” (22). Tình hình này càng thôi thúc các nhà hoạch định chính sách và giới cầm quyền Mỹ nhanh chóng đi đến tìm cách ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam để “cứu nguy” cho CQSG.

Ngày 22-1-1964, các Tham mưu trưởng liên quân quả quyết rằng “để giành thắng lợi, Mỹ phải sẵn sàng gạt sang một bên những áp đặt đang hạn chế cố gắng của chúng ta, và phải có những hành động táo bạo hơn dù có thể có những rủi ro lớn hơn” (23). Hành động táo bạo hơn là ám chỉ việc

mở rộng chiến tranh, ném bom phá hoại miền Bắc, dù cho có những rủi ro là sự can thiệp của Liên Xô, Trung Quốc. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân nhận thấy “nếu chương trình của Mỹ thành công ở Nam Việt Nam thì nó sẽ ổn định được toàn bộ tình hình ở Đông Nam Á. Ngược lại, nếu để Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản thì nó là điềm báo trước sự suy giảm nhanh chóng địa vị của Mỹ ở khu vực này” (24). Đến lúc này, giới cầm quyền Mỹ gần như đi đến cùng ý tưởng sẽ phải công khai ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Giới quân sự Mỹ mong muốn Tổng thống Lyndon B. Johnson phải có những chính sách quyết liệt hơn đối với VNDCCH. Họ muốn Tổng thống cho mở cuộc tấn công công khai ra miền Bắc Việt Nam. Ngày 16-3-1964, McNamara gửi cho Tổng thống Johnson một báo cáo và nêu rõ Mỹ cần phải “chuẩn bị ngay lập tức để có được tư thế khi được báo cáo trước 72 giờ là có thể tiến hành toàn bộ các “hoạt động kiểm soát biên giới” (*Border Control Actions*) với Lào và Campuchia, các “hoạt động trả đũa” (*Retaliatory Actions*) chống miền Bắc Việt Nam và chuẩn bị tư thế khi được báo trước 30 ngày là có thể tiến hành chương trình “gây sức ép” quân sự công khai từng bước chống miền Bắc Việt Nam” (25). Báo cáo của người đứng đầu quân đội Mỹ đã xác định rõ sự chuẩn bị và sẵn sàng triển khai các kế hoạch chống phá miền Bắc Việt Nam của Mỹ.

Ngày 17-3-1964, trong Bị vong lục hành động An ninh quốc gia (NSAM) 288, Mỹ muốn cho VNDCCH biết “họ phải trả giá đắt nếu tiếp tục can thiệp vào miền Nam Việt Nam” (26). Bên cạnh đó, các quan chức dân sự cũng cho rằng “một nước nhỏ bé như Việt Nam, với một nền công nghiệp nhỏ xíu vừa ra khỏi chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, sẽ không muốn hi sinh sức sống của nền kinh tế non trẻ để hỗ trợ

cuộc nổi dậy ở miền Nam” (27). Như vậy, cả giới quân sự, dân sự của Mỹ đều muốn mở rộng việc tiến hành ném bom miền Bắc Việt Nam để góp phần quan trọng làm suy giảm sự chi viện của VNDCCH cho lực lượng QGPMN. Vấn đề chính bấy giờ là Mỹ phải tạo ra một cái cớ để phá hoại miền Bắc Việt Nam. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân Mỹ đề nghị Tổng thống Johnson nên có “một chiến dịch khiêu khích Bắc Việt Nam” để có thể công khai tấn công vào VNDCCH. Những lập luận, đề nghị của giới quân sự Mỹ đã cho thấy âm mưu của việc mở rộng chiến tranh ra miền Bắc Việt Nam của họ. Thời báo *New York Times* số ra ngày 21-6-1964 nhận định: “Qua những lời tuyên bố úp mở của người Mỹ về khả năng mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, người ta càng ngày càng thấy rõ là Mỹ tìm kiếm tại Việt Nam cái gì đó khác hơn là “bảo vệ quyền tự do dân chúng Nam Việt Nam”. Nếu Mỹ muốn tấn công Việt cộng từ miền Bắc thì họ vẫn chưa chứng ra đầy đủ chứng cứ về sự tham chiến trực tiếp của các đơn vị xâm nhập từ miền Bắc vào thời điểm năm 1964” (28). Rõ ràng, cái người Mỹ cần lúc này là một cái cớ để có thể công khai mở rộng chiến tranh mà thôi.

Từ tháng 7-1964, Mỹ phái các tàu chiến đến vịnh Bắc Bộ để “tuần tra”. Mục đích của Mỹ và Sài Gòn là phong tỏa con đường biển chi viện của Hà Nội cho lực lượng QGPMN. Ngày 31-7 và 1-8-1964, Tổng thống Johnson ra lệnh cho máy bay ném bom đồn biên phòng Nậm Cắn và Nọng Dẻ (Nghệ An), chỉ thị cho Đô đốc hải quân G.Sharp - Tổng tư lệnh quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương có nhiệm vụ tổ chức, phối hợp giữa hải quân với quân chủng không quân Mỹ trong hoạt động đánh phá miền Nam Việt Nam, nhất là “việc đánh phá bằng máy bay B.52 trong các chiến dịch riêng rẽ gọi là “điện quang”; phối hợp với Taylor -

Đại sứ Mỹ ở miền Nam và Westmoreland - Tổng chỉ huy quân đội Mỹ ở miền Nam để hỗ trợ những cuộc hành quân trên chiến trường miền Nam; phải trực tiếp tổ chức chỉ huy mọi hoạt động đánh phá miền Bắc bằng các lực lượng có trong tay” (29). Ngày 1 và ngày 2-8-1964, tàu khu trục hạm Maddox 731, thuộc Hạm đội 7 Thái Bình Dương của Mỹ (hoạt động theo kế hoạch DESOTO) tiến qua khu vực Đèo Ngang, Hòn Ngư và tiến vào vùng biển thuộc hải phận của VNDCCH.

Theo tài liệu mật của Lầu năm góc, tàu Maddox thường xuyên ở vị trí cách đất liền Bắc Việt Nam 8 dặm (khoảng 12,8km) và cách đảo của họ 4 dặm (khoảng 6,4km). Giống như các nước xã hội chủ nghĩa khác, VNDCCH cũng tuyên bố chủ quyền với vùng biển trong phạm vi 12 dặm (khoảng 19,3km) tính từ đường bờ biển và các đảo. Như vậy, hoạt động của tàu Maddox đã xâm phạm chủ quyền lãnh hải của VNDCCH. Mục đích của việc này “không chỉ nhằm thể hiện sự phản đối của chúng ta [Mỹ - ND] với tuyên bố chủ quyền của họ trên “vùng biển tự do đi lại” mà còn để khiêu khích họ bật radar phòng thủ bờ biển, từ đó, các tàu khu trục của chúng ta có thể lập sơ đồ hệ thống phòng thủ của họ, làm tiền đề cho các chiến dịch tấn công trên biển hay trên không sau này” (30). Như vậy, giới cầm quyền Mỹ muốn thực hiện những cuộc tuần tra DESOTO với mục đích rõ ràng là khiêu khích VNDCCH để có cớ xâm lược miền Bắc Việt Nam.

Trước hành động của Mỹ, lực lượng hải quân VNDCCH gồm các đội tàu phóng lôi đã trực tiếp tiến ra nghênh chiến khi USS Maddox tiến đến vùng biển Thanh Hóa. Khi đi ngang qua Đèo Ngang, Hòn Mát, Hòn Mê, Lạch Trường, thiết bị điện tử trên tàu địch mở hết công suất phát sóng vào đất liền, do thám mạng lưới bố phòng của

ta. Vừa di chuyển, chúng vừa đe dọa, uy hiếp các tàu đánh cá của ngư dân (31). Nhận tin tàu Maddox xâm phạm vùng biển miền Bắc, Sở chỉ huy tiền phương của quân chủng hải quân ở căn cứ Sông Gianh liên tiếp điện báo về Bộ tư Lệnh. Đoàn 135 tàu phóng lôi nhận lệnh đánh đuổi tàu địch, hai tàu tuần tiễu 142, 146 hiệp đồng chiến đấu, các đài rada hải quân tăng cường quan sát bám tàu địch. 13 giờ 10 phút ngày 2-8-1964, tàu khu trục Mỹ vào vùng biển Hòn Mê và Lạch Trường cách bờ 10 hải lý (phía Đông Nam Hòn Nẹ). Các tàu Phân đội 3 (Đoàn 135) và biên đội tàu tuần tiễu 142, 143 (Đoàn 130) được lệnh xuất kích. Trận đánh không cân sức giữa ta và địch diễn ra quyết liệt. Dù lực lượng của VNDCCH yếu hơn, nhưng với tinh thần và quyết tâm bảo vệ tổ quốc, các đơn vị hải quân đã chiến đấu anh dũng, gây nhiều thiệt hại cho Mỹ.

Theo tài liệu của Mỹ, “ba tàu tuần tra phóng ngư lôi của Bắc Việt Nam đã tấn công và phóng ngư lôi vào tàu Maddox. Các ngư lôi đều không trúng mục tiêu và tàu khu trục của Mỹ gần như không bị thiệt hại gì ngoài một vết đạn dài 14,5mm trên một ống khói. Hỏa lực từ tàu Maddox cùng các máy bay hải quân cất cánh từ tàu sân bay Ticonderoga ở gần đó đã đẩy lùi và làm hư hại cả ba tàu phóng ngư lôi” (32). Toàn trận, có 4 cán bộ chiến sỹ hy sinh, 6 người bị thương, thiết bị trên hai tàu 336 và 339 hỏng nặng, nhưng điều quan trọng là chúng ta đã bắn hạ 2 máy bay địch khiến những chiếc khác không dám lao xuống, vội vàng rút chạy cùng tàu khu trục (32). Trận đánh tàu Maddox của hải quân nhân dân Việt Nam ngày 2-8-1964 kết thúc vẻ vang, thể hiện ý chí quyết đánh, quyết thắng của bộ đội hải quân; giáng một đòn mạnh mẽ vào uy thế của hải quân Mỹ, làm cho đế quốc Mỹ phải lộ rõ âm mưu, hành động

xâm phạm chủ quyền miền Bắc trước toàn thể nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới. Trận đánh tàu khu trục Maddox đã cổ vũ mạnh mẽ quyết tâm kháng chiến chống Mỹ thắng lợi của nhân dân cả nước.

Trên báo *Nhân dân*, số 3783, ngày 8-8-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong trận này, chúng ta đã cho đế quốc Mỹ một bài học đích đáng. Đồng thời chúng ta đã thấy rõ hơn những ưu điểm và nhược điểm của ta. Các đơn vị bộ đội, công an nhân dân vũ trang, dân quân tự vệ và các địa phương cần rút kinh nghiệm để sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm. Các chú phải tiếp tục đẩy mạnh mọi mặt công tác và luôn luôn nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Nhân dân ta rất yêu chuộng hòa bình, nhưng nếu đế quốc Mỹ và tay sai xâm phạm đến miền Bắc nước ta, thì toàn dân ta nhất định sẽ đánh bại chúng” (34).

Tuy nhiên, sự thất bại ngày 2-8-1964 không làm cho giới cầm quyền Mỹ từ bỏ ý đồ gây chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Mỹ tăng cường lực lượng “tuần tra” ra vịnh Bắc Bộ. Sáng ngày 4-8-1964, Stockdale - phụ trách phi đội F-8 của tàu sân bay Ticonderoga của Mỹ, đọc các bản tin được đánh điện tín đến tàu thấy rằng “Tổng thống Lyndon Johnson đã gặp gỡ với các quan chức Bộ Ngoại giao của Lầu năm góc. Họ đã quyết định không động thái trả đũa vụ tấn công đó, coi đó là một sự kiện đơn lẻ do một chỉ huy tàu của Việt Nam hấp tấp gây ra. Một tàu sân bay của Mỹ là Turner Joy đã đến hỗ trợ tàu Maddox” (35). Như vậy, giới cầm quyền Mỹ chưa có phản ứng sau vụ xâm nhập vịnh Bắc Bộ bất thành ngày 2-8, có thể chính quyền Johnson đang hiểu rõ vấn đề là hoạt động của tàu Maddox đang trong phạm vi lãnh hải của VNDCCH. Bây giờ, giới cầm quyền Mỹ cần một cái cớ là tàu Mỹ bị tấn công ở

hải phận quốc tế - một cơ sở cần thiết để có thể công khai trả đũa VNDCCH.

Đêm 4-8-1964, Mỹ đã dựng lên cái gọi là “Biến cố vịnh Bắc Bộ” (*The Gulf of Tonkin Incident*) khi cho rằng hai tàu Turner Joy và Maddox bị hải quân Việt Nam tấn công ở hải phận quốc tế. Trong cuộc “tuần tra” đêm 4-8, hai tàu khu trục của Mỹ luôn giữ liên lạc điện đài tiến về phía Tây tiếp theo sau là những lời cảnh báo về ngư lôi và phương hướng. Cả hai chiếc tàu đang phải lẩn trốn chuyển hướng một cách miễn cưỡng và tàu Turner Joy bắt đầu nã đạn vào những chiếc tàu bị cho là tàu ngư lôi của Bắc Việt (VNDCCH-TG). Báo cáo từ tàu Turner Joy và Maddox cho rằng, “tiếng động giống như tiếng ngư lôi phóng trong nước. Nhưng thực chất không ai trên hai khu trục nhìn thấy một chiếc tàu nào của đối phương. Máy bay Mỹ đến hiện trường tìm kiếm hàng giờ đồng hồ cũng không phát hiện thấy dấu hiệu của tàu hải quân Bắc Việt hoặc có tiếp xúc rada” (36). Tuy nhiên, chính quyền Johnson đã dựng lên “một cuộc tấn công giả tạo” khi cho rằng hai tàu khu trục Maddox và Turner Joy bắt ngờ bị tấn công trong hoàn cảnh trời “tối hơn đêm 30” và những chứng cứ về một cuộc tấn công vẫn chưa đủ chính xác. Thế nhưng, năm 1964, sự kiện này vốn được che đậy một cách tinh vi và nó nhanh chóng trở thành một “chứng cứ xác đáng” về sự tấn công của VNDCCH vào hải quân Mỹ. Cơ quan tình báo Mỹ (CIA) xem đây là một hành động khiêu khích của VNDCCH và Hà Nội đang cố làm cho Mỹ trở thành “con hổ giấy” (37). Bất chấp những đề nghị từ thuyền trưởng tàu Maddox về việc đánh giá lại những báo cáo và tình hình một cách cẩn trọng, chính quyền Mỹ đã xem đây là “một cuộc tấn công của miền Bắc” để từ đó, Mỹ công khai tiến tới mở rộng chiến tranh, phá hoại miền Bắc Việt Nam.

Lợi dụng sự kiện này, Tổng thống Johnson và các cố vấn đều nhất trí rằng Mỹ phải nhanh chóng quyết định thực hiện “một trận ném bom trả đũa chớp nhoáng nhưng kiên quyết” nhằm vào các căn cứ của các tàu phóng ngư lôi của miền Bắc Việt Nam (38). Vấn đề chính là phải tranh thủ sự ủng hộ của Quốc hội. Ngay lập tức, Tổng thống Johnson cho rằng “những hành động mới nhất của Bắc Việt đã đưa ra một sự thay đổi nghiêm trọng đối với tình hình ở Đông Nam Á và khẳng định rằng tất cả các cuộc tấn công như vậy sẽ được đáp trả, Mỹ sẽ tiếp tục hỗ trợ các quốc gia tự do của khu vực Đông Nam Á để bảo vệ họ” (39). Lúc 23 giờ 30 phút (giờ Washington) ngày 4-8-1964, khi các phi đội tham gia cuộc không kích mang tính chất “trả đũa” hải quân của Bắc Việt đã cất cánh, “với một việc đã rồi”, Tổng thống Johnson phát biểu trước truyền hình toàn quốc: “Với tư cách là Tổng thống và Tổng tư lệnh, trách nhiệm của tôi đối với nhân dân Mỹ là báo cáo rằng các hành động thù địch mới chống lại các tàu Mỹ ở ngoài khơi vịnh Bắc Bộ hôm nay đã đòi hỏi tôi ra lệnh cho các lực lượng quân sự của Mỹ có hành động trả lời... Đây là một trách nhiệm trang nghiêm để ra lệnh về một hành động quân sự dù hạn chế cho các lực lượng mà sức mạnh toàn bộ là rộng lớn và đáng sợ như các lực lượng của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ” (40). Ngay sau tuyên bố của tổng thống, Nghị quyết vịnh Bắc Bộ đã được soạn thảo từ ngày 15-5-1964 được đưa ra trình trước Ủy ban quan hệ đối ngoại của Thượng nghị viện.

Sáng ngày 7-8-1964, Nghị quyết vịnh Bắc Bộ được Thượng nghị viện Hoa Kỳ thông qua với số phiếu 88-2. Hai Thượng nghị sĩ Wayne Morse và Ernest W.Gruening (Đảng Dân chủ) bỏ phiếu chống lại; Hạ nghị viện đã nhất trí thông qua, 416/0 (41). Như vậy, Tổng thống

Johnson đã tranh thủ được sự ủng hộ gần như tuyệt đối của Quốc hội về chiến tranh Việt Nam với số phiếu áp đảo 504/506 phiếu. Đây là lần thứ hai sau sự kiện Trân Châu cảng (12-1941), Quốc hội đã thông qua một Nghị quyết quân sự nhanh chóng và đồng thuận gần như tuyệt đối. Đồng thời, Nghị quyết cũng cho phép Tổng thống Johnson “áp dụng mọi bước đi cần thiết, kể cả sử dụng lực lượng vũ trang, để chi viện cho bất kì thành viên hoặc quốc gia nào ở Đông Nam Á. Sự kiện này cũng đã đánh dấu bước trượt dài trong chính sách của Mỹ đối với VNDCCH như Thượng nghị sĩ Wayne Morse nói “nghị quyết này có giá trị như một bản tuyên bố chiến tranh” (42). Còn Hạ nghị sĩ Ross Adair của bang Indiana thốt lên: “Thế là họ thiêu cháy quốc kỳ Mỹ rồi. Chúng ta sẽ không và không thể tha thứ cho việc làm đó” (43). Như vậy, chính quyền Johnson đã dựng lên thành công một cái cớ hoàn hảo để tiến tới công khai ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam.

5. Bài học kinh nghiệm cho việc bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay

Cách nay hơn 60 năm, Mỹ dựng lên sự kiện vịnh Bắc Bộ, tạo ra một “cái cớ” để công khai mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi, nhất là sự cạnh tranh trực diện và gay gắt của các cường quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, việc nhìn lại sự kiện vịnh Bắc Bộ để có những bài học kinh nghiệm rút ra trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo là rất cần thiết.

Về mặt hoạch định chiến lược, chính sách quốc phòng bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia: Việt Nam phải luôn đề cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu của các thế lực bên ngoài. Chúng ta cần căn cứ trên các luận cứ khách quan, khoa học để phân tích, đánh giá, dự báo đúng tình hình

khách quan để kịp thời có những đối sách phù hợp, đúng đắn với bối cảnh quốc tế và khu vực. Việt Nam cần chủ động phát hiện và kịp thời có những thông tin chính xác về mọi hoạt động xâm phạm, vi phạm vùng biển, đảo của Tổ quốc để có những đối sách phù hợp. Trong bối cảnh tình hình Biển Đông đang diễn biến bất ổn, tranh chấp thương mại và chính trị của các nước trong khu vực cùng với sự tham gia của các nước lớn đã tác động, làm cản trở sự phát triển của các ngành kinh tế biển của Việt Nam. Việt Nam với vị trí nằm giữa “sợi dây nối liền hàng hải” giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên cũng đang phải đối mặt với những thách thức nhất định từ bên ngoài. Những hành động liên tiếp của Trung Quốc trên Biển Đông, trong vùng lãnh hải của Việt Nam trong thời gian qua đã gây ra nhiều quan ngại cho Việt Nam lẫn các quốc gia trên thế giới. Do đó, việc nhận định, đánh giá đúng tình hình khách quan cùng những chiến lược của các nước lớn ở Biển Đông để Việt Nam có những đối sách phù hợp là rất cần thiết. Việc căn cứ trên cơ sở thực tiễn, khách quan, khoa học để hoạch định chiến lược bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển là rất cấp thiết. Toàn bộ hệ thống chính trị, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta phải tỉnh táo, phân tích được động cơ, mục đích, ý đồ của các thế lực bên ngoài, nêu cao cảnh giác, tránh mắc mưu khiêu khích để họ lấy đó là cái cớ hợp lý cho hành động sai trái, xâm phạm chủ quyền an ninh quốc gia của Việt Nam.

Về chính sách đối nội: Việt Nam cần chủ động nâng cao sức mạnh nội lực quốc gia, chú trọng đầu tư tài lực, vật lực để kiện toàn lực lượng hải quân về tổ chức theo hướng tinh gọn, cơ động, linh hoạt cao, có sức chiến đấu mạnh để có thể kịp thời ứng phó với những biến cố có thể xảy ra. Việt

Nam cần phải tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm gia tăng nội lực quốc gia để ứng phó hiệu quả với những tác động từ bên ngoài. Đây là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo vị trí, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam là một quốc gia vừa và nhỏ, tiềm lực quốc gia vẫn còn hạn chế nên sẽ gặp nhiều khó khăn trong quan hệ với các nước lớn. Do đó, việc ưu tiên mục tiêu phát triển quốc gia, gia tăng nội lực là điều tất yếu đối với Việt Nam.

Việt Nam cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển quốc gia như Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngày 22-10-2018, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, mục tiêu quan trọng là “Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;... Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá. Kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, tạo cơ sở cho việc khai thác và sử dụng biển an toàn, hiệu quả. Tăng cường và mở rộng

quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương; tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác biển, trong đó chú trọng các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tri thức và đào tạo nguồn nhân lực (44). Như vậy, với Nghị quyết số 36-NQ/TW, Việt Nam đã đặt việc phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh biển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình hội nhập quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang có những chuyển biến phức tạp, vấn đề đảm bảo an ninh kinh tế hàng hải càng trở nên quan trọng hơn. Vì thế, việc nhận diện những thách thức, khó khăn để có những giải pháp khắc phục là rất cần thiết.

Việt Nam cần xây dựng được hệ thống cảnh báo an ninh trên biển và hệ thống thống kê kinh tế biển và đại dương. Để có cơ sở và định hướng đầu tư đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh tế biển, chúng ta cần tập trung cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học biển, khai thác đáy biển sâu, công nghệ vũ trụ trong giám sát biển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Trên cơ sở các dữ liệu thu thập, chúng ta đánh giá tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển như hàng hải. Việt Nam cần chú trọng chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu phù hợp với xu thế hội nhập và hiện đại. Tập trung thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các lĩnh vực cốt lõi về số hóa trong các lĩnh vực như công nghệ sinh học; công nghệ nano, in 3D, vật liệu mới..., đưa công nghiệp ven biển phát triển nhanh và

Johnson đã tranh thủ được sự ủng hộ gần như tuyệt đối của Quốc hội về chiến tranh Việt Nam với số phiếu áp đảo 504/506 phiếu. Đây là lần thứ hai sau sự kiện Trân Châu cảng (12-1941), Quốc hội đã thông qua một Nghị quyết quân sự nhanh chóng và đồng thuận gần như tuyệt đối. Đồng thời, Nghị quyết cũng cho phép Tổng thống Johnson “áp dụng mọi bước đi cần thiết, kể cả sử dụng lực lượng vũ trang, để chi viện cho bất kì thành viên hoặc quốc gia nào ở Đông Nam Á. Sự kiện này cũng đã đánh dấu bước trượt dài trong chính sách của Mỹ đối với VNDCCH như Thượng nghị sĩ Wayne Morse nói “nghị quyết này có giá trị như một bản tuyên bố chiến tranh” (42). Còn Hạ nghị sĩ Ross Adair của bang Indiana thốt lên: “Thế là họ thiêu cháy quốc kỳ Mỹ rồi. Chúng ta sẽ không và không thể tha thứ cho việc làm đó” (43). Như vậy, chính quyền Johnson đã dựng lên thành công một cái cớ hoàn hảo để tiến tới công khai ném bom phá hoại miền Bắc Việt Nam.

5. Bài học kinh nghiệm cho việc bảo vệ an ninh quốc gia hiện nay

Cách nay hơn 60 năm, Mỹ dựng lên sự kiện vịnh Bắc Bộ, tạo ra một “cái cớ” để công khai mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam. Hiện nay, trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến đổi, nhất là sự cạnh tranh trực diện và gay gắt của các cường quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương, việc nhìn lại sự kiện vịnh Bắc Bộ để có những bài học kinh nghiệm rút ra trong công cuộc bảo vệ chủ quyền biển đảo là rất cần thiết.

Về mặt hoạch định chiến lược, chính sách quốc phòng bảo vệ an ninh chủ quyền quốc gia: Việt Nam phải luôn đề cao tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu của các thế lực bên ngoài. Chúng ta cần căn cứ trên các luận cứ khách quan, khoa học để phân tích, đánh giá, dự báo đúng tình hình

khách quan để kịp thời có những đối sách phù hợp, đúng đắn với bối cảnh quốc tế và khu vực. Việt Nam cần chủ động phát hiện và kịp thời có những thông tin chính xác về mọi hoạt động xâm phạm, vi phạm vùng biển, đảo của Tổ quốc để có những đối sách phù hợp. Trong bối cảnh tình hình Biển Đông đang diễn biến bất ổn, tranh chấp thương mại và chính trị của các nước trong khu vực cùng với sự tham gia của các nước lớn đã tác động, làm cản trở sự phát triển của các ngành kinh tế biển của Việt Nam. Việt Nam với vị trí nằm giữa “sợi dây nối liền hàng hải” giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương nên cũng đang phải đối mặt với những thách thức nhất định từ bên ngoài. Những hành động liên tiếp của Trung Quốc trên Biển Đông, trong vùng lãnh hải của Việt Nam trong thời gian qua đã gây ra nhiều quan ngại cho Việt Nam lẫn các quốc gia trên thế giới. Do đó, việc nhận định, đánh giá đúng tình hình khách quan cùng những chiến lược của các nước lớn ở Biển Đông để Việt Nam có những đối sách phù hợp là rất cần thiết. Việc căn cứ trên cơ sở thực tiễn, khách quan, khoa học để hoạch định chiến lược bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, lợi ích quốc gia, dân tộc trên biển là rất cấp thiết. Toàn bộ hệ thống chính trị, Đảng, Nhà nước và toàn dân ta phải tỉnh táo, phân tích được động cơ, mục đích, ý đồ của các thế lực bên ngoài, nêu cao cảnh giác, tránh mắc mưu khiêu khích để họ lấy đó là cái cớ hợp lý cho hành động sai trái, xâm phạm chủ quyền an ninh quốc gia của Việt Nam.

Về chính sách đối nội: Việt Nam cần chủ động nâng cao sức mạnh nội lực quốc gia, chú trọng đầu tư tài lực, vật lực để kiện toàn lực lượng hải quân về tổ chức theo hướng tinh gọn, cơ động, linh hoạt cao, có sức chiến đấu mạnh để có thể kịp thời ứng phó với những biến cố có thể xảy ra. Việt

Nam cần phải tiếp tục thực hiện các chính sách nhằm gia tăng nội lực quốc gia để ứng phó hiệu quả với những tác động từ bên ngoài. Đây là yếu tố quan trọng nhất để đảm bảo vị trí, vai trò của Việt Nam trên trường quốc tế. Việt Nam là một quốc gia vừa và nhỏ, tiềm lực quốc gia vẫn còn hạn chế nên sẽ gặp nhiều khó khăn trong quan hệ với các nước lớn. Do đó, việc ưu tiên mục tiêu phát triển quốc gia, gia tăng nội lực là điều tất yếu đối với Việt Nam.

Việt Nam cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong việc triển khai hiệu quả các chiến lược phát triển quốc gia như Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ngày 22-10-2018, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, mục tiêu quan trọng là “Đưa Việt Nam trở thành quốc gia biển mạnh;... Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng chính quy, tinh nhuệ theo hướng hiện đại, ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng thực thi pháp luật trên biển; không ngừng củng cố, tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân khu vực biển; bảo đảm năng lực xử lý tốt các tình huống trên biển, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia trên các vùng biển. Nâng cao năng lực ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu lợi dụng các vấn đề về biển, đảo để chống phá. Kiên trì xây dựng và duy trì môi trường hòa bình, ổn định và trật tự pháp lý trên biển, tạo cơ sở cho việc khai thác và sử dụng biển an toàn, hiệu quả. Tăng cường và mở rộng

quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế, chủ động tham gia và đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế trong việc bảo tồn, sử dụng bền vững biển và đại dương; tranh thủ tối đa các nguồn lực, sự hỗ trợ quốc tế để nâng cao năng lực quản lý và khai thác biển, trong đó chú trọng các lĩnh vực khoa học, công nghệ, tri thức và đào tạo nguồn nhân lực (44). Như vậy, với Nghị quyết số 36-NQ/TW, Việt Nam đã đặt việc phát triển kinh tế biển và đảm bảo an ninh biển là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình hội nhập quốc tế. Đặc biệt, trong bối cảnh tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương đang có những chuyển biến phức tạp, vấn đề đảm bảo an ninh kinh tế hàng hải càng trở nên quan trọng hơn. Vì thế, việc nhận diện những thách thức, khó khăn để có những giải pháp khắc phục là rất cần thiết.

Việt Nam cần xây dựng được hệ thống cảnh báo an ninh trên biển và hệ thống thống kê kinh tế biển và đại dương. Để có cơ sở và định hướng đầu tư đúng đắn trong chiến lược phát triển kinh tế biển, chúng ta cần tập trung cho công tác điều tra cơ bản, nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm hình thành các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học biển, khai thác đáy biển sâu, công nghệ vũ trụ trong giám sát biển đạt trình độ tiên tiến trong khu vực. Trên cơ sở các dữ liệu thu thập, chúng ta đánh giá tiềm năng và lợi thế về điều kiện tự nhiên, tài nguyên, hệ sinh thái và các ngành, lĩnh vực kinh tế biển như hàng hải. Việt Nam cần chú trọng chuyển sang mô hình phát triển theo chiều sâu phù hợp với xu thế hội nhập và hiện đại. Tập trung thu hút đầu tư các ngành công nghiệp công nghệ cao, các lĩnh vực cốt lõi về số hóa trong các lĩnh vực như công nghệ sinh học; công nghệ nano, in 3D, vật liệu mới..., đưa công nghiệp ven biển phát triển nhanh và

bền vững, có khả năng cạnh tranh và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Việt Nam tiếp cận và đầu tư xây dựng hệ thống giám sát, bảo vệ an ninh hàng hải tiên tiến trong tương lai. Chúng ta cần nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu và công nghệ mới, tiên tiến trong giám sát, điều tra, quản lý tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và trong công tác phòng tránh thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên biển, đảo và phát triển các ngành kinh tế biển quan trọng như: cảng biển, du lịch biển, khai thác, nuôi trồng, chế biến hải sản, dịch vụ biển.

Việt Nam cũng phải đầu tư, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng hàng hải, từng bước thu hẹp khoảng cách với các nước trong chia sẻ thông tin, xây dựng năng lực hành động phối hợp với các quốc gia, tổ chức để cảnh báo, bảo vệ an ninh biển. Việt Nam nên chú trọng cải tiến phương thức quản lý biển bằng phương pháp tiên tiến như quản trị biển theo không gian, quản lý tổng hợp vùng bờ biển... để nâng cao khả năng quản lý của Nhà nước đối với kinh tế biển. Nâng cao khả năng tương tác công nghệ, khả năng tiếp cận tài nguyên và nhận dạng tàu xâm nhập trái phép vào vùng lãnh hải của Việt Nam. Đây là một thách thức không nhỏ với Việt Nam trong quá trình hợp tác với các nước nhằm đảm bảo an ninh hàng hải và phát triển của Việt Nam trong tương lai.

Chúng ta cần tạo sự chuyển biến trong nhận thức, hành động của toàn hệ thống chính trị trong thực hiện các chương trình, chiến lược phát triển quốc gia. Nhiệm vụ trọng tâm là phải làm cho nhân dân Biết - Hiểu - Tin và nghiêm túc thực hiện để đưa các Nghị quyết của Trung ương Đảng vào cuộc sống. Chúng ta cũng cần tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Biển Việt Nam năm 2012, Quyết định số 373/QĐ-TTg, ngày 23-3-2010, của Thủ tướng Chính phủ, “Về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh

công tác tuyên truyền về quản lý, bảo vệ và phát triển bền vững biển và hải đảo Việt Nam”; Quyết định số 647/2020/QĐ-TTg, ngày 18-5-2020, của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt Đề án hợp tác quốc tế phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030”... Chúng ta cũng phải tăng cường các giải pháp tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về biển và đại dương, xây dựng xã hội, ý thức, lối sống, hành vi văn hóa gắn bó, thân thiện với biển, phát huy tinh thần tương thân tương ái của cộng đồng dân cư vùng biển, ven biển. Có thể nói, việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế biển là điều kiện quan trọng nhất để có thể thực hiện thành công mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển. Từ đó, tạo nên tảng nội lực quan trọng để gia tăng vị thế, vai trò của Việt Nam trong quan hệ với tất cả các nước. Không những thế, Việt Nam cần kết hợp ngoại lực với nội lực một cách hiệu quả để xây dựng thành công mục tiêu tiến lên chủ nghĩa xã hội. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng cũng xác định: “Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế; phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất” (45) để xây dựng Việt Nam thành quốc gia phát triển, dân giàu, nước mạnh và vị thế nâng cao trên trường quốc tế.

Về chính sách đối ngoại: Việt Nam cần tích cực, chủ động tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực, nhất là các hoạt động hợp tác biển trong khuôn khổ ASEAN. Chúng ta cần tăng cường quan hệ với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và các nước lớn, các bạn bè truyền thống, các nước

có tiềm lực về biển, các nước có chung lợi ích trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi và phù hợp với luật pháp quốc tế. Việt Nam luôn kiên quyết đấu tranh trên cơ sở giữ hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, đồng thời tích cực vạch trần các thủ đoạn âm mưu, thủ đoạn của kẻ xâm phạm.

Thực tiễn của bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay đòi hỏi Việt Nam phải không ngừng mở rộng nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong điều tra, nghiên cứu ở các vùng biển quốc tế. Việt Nam đã xác định rõ “khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước” (46). Việt Nam luôn giữ vững tinh thần chủ động hợp tác với các quốc gia trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia của nhau.

Chính phủ Việt Nam đã xác định rõ “khai thác mọi nguồn lực để phát triển kinh

tế - xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa, phát huy đầy đủ và có hiệu quả các nguồn lực bên trong; tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước” (47). Việt Nam luôn giữ vững tinh thần chủ động hợp tác với các quốc gia trên tinh thần tôn trọng độc lập, chủ quyền và lợi ích quốc gia của nhau. Việt Nam tích cực giải quyết, xử lý các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế, nhất là Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển 1982, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định và hợp tác để phát triển. Đồng thời, Việt Nam cần chủ động, tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực như hợp tác biển trong khuôn khổ ASEAN; phối hợp với các nước thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC), thúc đẩy ký kết Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC). Có như thế, Việt Nam mới có thể vừa bảo vệ toàn vẹn độc lập chủ quyền lãnh hải, vừa phát triển bền vững và nâng cao vị thế quốc tế trong tương lai.

CHÚ THÍCH

- (1). Người Mỹ gọi là “biển cô” - Incident.
- (2). Dnewbold (25-7-2006). *The battle at Ap Bac changed America's view of the Vietnam war*. <https://www.historynet.com/the-battle-at-ap-bac-changed-americas-view-of-the-vietnam-war/>.
- (3). *Battle Of Ap Bac January 2, 1963*, https://www.vietnamwar50th.com/1945-1964_the_road_to_war/Battle-Of-Ap-Bac/#skltbs-demo1
- (4). Lawrence Freedman, *Kennedy's Wars: Berlin, Cuba, Laos, and Vietnam*, Oxford University Press, 2000, p.315.
- (5), (6), (12), (15), (23), (24). Neil Sheehan, H.Smith, E.W.Kenworthy, and F.Butterfield, *The*

Pentagon Papers as Published by the New York Times. New York: Bantam Books, 1971, p.143, 105, 273, 235, 274, 274.

(7). Thomas G. Paterson, *Kennedy's Quest for Victory: American Foreign Policy, 1961-1963*, Oxford University Press, New York, 1989, p.224.

(8), (19). Vũ Đình Hiếu, *Cuộc chiến bí mật*, Nxb. Thời đại, Hà Nội, 2011, tr. 66, 140.

(9), (13). Robert S.McNamara, *Nhìn lại quá khứ, Tám thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr.112-113, 138.

(10), (11), (25). John P.Glennon (General Editor), *Foreign Relations of The United States*,

1961-1963, Volume IV, Vietnam, August-December 1963, United States Government Printing Office, Washington, 1991, p.734, 167.

(14), (17). *The Truth About Tonkin*, <http://www.usni.org/magazines/naulhistory/2008-02/truth-about-tonkin>.

(16). John P. Glennon (General Editor), *Foreign Relations of the United States, 1964-1968, Volume I, Vietnam 1964*, United States Government Printing Office, Washington, 1992, p.4.

(18). Sanford Wexler, *The Vietnam War: An Eyewitness History*, Facts on File, New York, 1992, p.80.

(20), (28). Tường Hữu, *Sự thật về chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Công an Nhân dân, 2015, tr.161. 175-176.

(21), (26), (37), (43). George Herring, *America's Longest War: The United States and Vietnam, 1950-1975*, Third Edition, McGraw-Hill, 1996, Inc, pp.131-132, 131, 134-135, 136.

(22), (29). Nguyễn Phương Nam, *Thảm bại của một bảy điều hậu*, Nxb. Chính trị Quốc gia, 2010, tr.176-177, 168.

(27). Earl H. Tilford. *Setup: What the Air Force Did in Vietnam and Why*. Maxwell AFB AL: Air University Press, 1991, p.92.

(30), (32). Daniel Ellsberg, *Hồ sơ mật Lầu năm góc và hồi ức về chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018, tr.27-28, 20.

(31), (33), (36), (40). Nguyễn Thị Huệ Chi, *Hải quân nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của Mỹ tại vùng sông biển miền Bắc (1964-1973)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2013, tr.102, 103, 104-105, 109.

(34). *Hồ Chí Minh toàn tập*, Tập 14 (1963-1965), Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.367.

(35). Cảnh Dương, Đông A, *Bí mật các chiến dịch không kích của Mỹ vào Bắc Việt Nam*, Nxb.

Công an Nhân dân, Hà Nội, 2007, tr.34-37.

(38). Charles Fourniau, *Việt Nam như tôi đã thấy (1960-2000)*, Trần Thị Lan Anh, Vũ Thị Minh Hương, Tạ Thị Thúy dịch, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.122.

(39). *The Tonkin Gulf Incident, 1964*, http://avalon.law.yale.edu/20th_century/tonkin-g.asp.

(41). Các số liệu khác: "Hạ viện đã thông qua với 414 phiếu thuận, không có phiếu chống và Thượng viện đã thông qua với 88 phiếu thuận, 2 phiếu chống. Nguồn: <https://www.britannica.com/event/Gulf-of-Tonkin-Resolution>". Theo Neil Sheehan, H.Smith, E.W.Kenworthy, and F.Butterfield (1971), *The Pentagon Papers as Published by the New York Times*. New York: Bantam Books, số phiếu là 88-2 ở Thượng viện và 408 phiếu ở Hạ viện.

(42). Cecil B.Currey, *Chiến thắng bằng mọi giá*, Nguyễn Văn Sự dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2014, tr.364.

(44). Đảng Cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết số 36-NQ/TW* ngày 22-10-2018 của Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội, 2018.

(45). Đảng Cộng sản Việt Nam (26-02-2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Nguồn: <https://baohinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiii-cua-dang-102288263.htm>.

(46), (47). Triều Hải Quỳnh (3-9-2015). *Tiềm năng biển Việt Nam và những định hướng chiến lược cơ bản để xây dựng và phát triển*. Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/van-kien-tu-lieu-ve-dang/gioi-thieu-van-kien-dang/tiem-nang-bien-viet-nam-va-nhung-dinh-huong-chien-luoc-co-ban-de-xay-dung-va-phat-trien-936>.